TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **191**/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 13/6/2024.
V/v tranh chấp: ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Cao Tuấn**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1**.** Bà: **Trương Thị Út Mỹ**;

2. Bà: **Huỳnh Thị Phượng**;

- Thư ký phiên tòa: bà **Phạm Thị Mỹ Ngọc** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa: Ông **Võ Minh Tuấn** – kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 134/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Hồng N** – sinh năm xxx; Địa chỉ: Ấp T, xã T, thị xã G, tỉnh T (nay là Ấp M, xã T, Thành phố G, tỉnh T) (có mặt).

2. Bị đơn: Anh **Trần Hoàng P** - sinh năm xxxx; Địa chỉ: Khu phố C X, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt không lý do);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày:

Chị và anh Trần Hoàng P cưới nhau vào đầu năm 2020, được sự tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc được 06 tháng đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng

không hợp nhau nên chị và chị P đã sống ly thân từ giữa năm 2020 cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể trở lại chung sống được nữa nên chị xin được ly hôn với chị P.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Huỳnh Nhã A sinh ngày xx/xx/xxxx, hiện cháu đang sống chung với chị. Khi ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị P cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

***** Bị đơn anh Trần Hoàng P vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn anh Trần Hoàng P vắng mặt không lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông phát biểu về việc tuân theo tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

+ Về việc tuân theo tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự thực hiện đúng trình tự, qui định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định quan hệ các bên đang tranh chấp là "xin ly hôn".

[2] Xét bị đơn anh Trần Hoàng P mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 1, lần 2; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị P vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 227, 228, 233 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị P.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị N và chị P cưới nhau vào đầu năm 2020, được sự tự nguyện và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc được 06 tháng đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không hợp nhau nên chị N và chị P đã sống ly thân từ giữa năm 2020 cho đến nay. Nay chị N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể trở lại chung sống được nữa nên chị xin được ly hôn với chị P. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và chị P không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Mặc dù chị P đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng chị P vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến cũng như đến Tòa án để

giải quyết theo yêu cầu khởi kiện của chị N. Điều đó cho thấy chị P không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình, không quan tâm đến vợ và con. Do đó, Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng N.

[4] Về con chung: Chị N khai có 01 con chung tên Trần Huỳnh Nhã A sinh ngày xx/xx/xxxx, hiện cháu đang sống chung với chị. Khi ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu chị P cấp dưỡng. Xét yêu cầu xin được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị N là tự nguyện, phù hợp với qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử giao cho chị N được tiếp tục nuôi chúa A. Chị P không phải cấp dưỡng nuôi con và anh được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo qui định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 227, 228, 233 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 110 Luật hôn nhân gia đình;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng N. Chị Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn với anh Trần Hoàng P.

2. Về con chung: Giao chị N được tiếp tục nuôi cháu Trần Huỳnh Nhã A sinh ngày xx/xx/xxxx. Chị P không phải cấp dưỡng nuôi con và anh được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí HNST nhưng được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0013258 ngày 11/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, nên chị N đã nộp xong án phí.

4. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Gò Công Đông;
- THADS huyện Gò Công Đông;
- Ủy ban nhân dân thị trấn Vàm Láng;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Cao Tuấn